

Tính minh bạch của môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

TRẦN THỊ NGỌC QUYÊN

Trong bài viết, tính minh bạch đã được làm rõ về khái niệm, nội dung của minh bạch hóa, tiêu chí đánh giá tính minh bạch, tác động của minh bạch hóa hoạt động kinh tế đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; đồng thời, thực trạng tính minh bạch trong môi trường đầu tư tại Việt Nam và các giải pháp phù hợp với điều kiện của nước ta cũng được nêu lên.

Hiện nay, trong nền kinh tế toàn cầu hóa, các hoạt động kinh tế diễn ra hết sức sôi động. Môi trường đầu tư chính là tổng hoà các yếu tố có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của các chủ đầu tư. Đây chính là yếu tố quan trọng nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng cũng như giảm nghèo đói tại một quốc gia, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển. Bên cạnh khung pháp lý và các yếu tố kinh tế, các yếu tố tạo thuận lợi trong kinh doanh đã thể hiện vai trò của mình trong việc nâng cao tính hấp dẫn của môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Chính vì vậy, các quốc gia luôn nỗ lực tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, trong đó, tính minh bạch trong môi trường FDI ngày càng trở thành nhân tố quan trọng và là vấn đề quan tâm của các nhà đầu tư. Bài viết này sẽ tập trung phân tích nội dung của tính minh bạch trong môi trường đầu tư để từ đó có bức tranh tổng thể về tính minh bạch của môi trường đầu tư tại Việt Nam.

1. Khái niệm

Theo từ điển, “*Transparency*” có nghĩa là sự trong suốt, dễ nhận biết. Đó chính là sự cởi mở, mang tính thông tin và dễ giải thích, dễ hiểu. Khi nói đến hoạt động kinh tế nó thể hiện sự rõ ràng, dễ hiểu và minh bạch. Chính vì vậy, “*Transparency*” luôn được hiểu là tính minh bạch. Hiện nay, đây là

một nội dung được các doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu, chính phủ các quốc gia cũng như các tổ chức và các diễn đàn quốc tế quan tâm. Bởi vì “minh bạch” được coi là một cách thức thể hiện trách nhiệm của các cơ quan Chính phủ và nhằm đấu tranh chống nạn tham nhũng.

Theo cách tiếp cận của Tổ chức Minh bạch quốc tế (TI), *minh bạch được định nghĩa là những nguyên tắc tạo nên sự ảnh hưởng đến các quyết định về hành chính, các hoạt động kinh doanh hay các giao dịch phù hợp để được tiếp cận không chỉ các thông tin cơ bản như các con số và sự kiện mà còn là cơ chế và quy trình thực hiện chúng. Vì vậy, nhiệm vụ của bộ phận hành chính, các nhà quản lý cũng như những người tham gia trong quá trình này là làm sao cho các đối tượng có thể tiếp cận thông tin cần thiết một cách dễ hiểu và dễ dự đoán*¹.

Một trong năm nguyên tắc lớn của WTO là minh bạch hóa chính sách. Tổ chức này nhấn mạnh đến tính rõ ràng, minh bạch, cụ thể, dễ dự đoán của chính sách để giúp các doanh nghiệp nắm được và thực hiện đầu tư. Theo Tổ chức Thương mại thế giới (WTO): “*Minh bạch bao gồm ba yếu tố cơ bản sau đây:*

Trần Thị Ngọc Quyên, ThS, Đại học Ngoại thương Hà Nội.

1. *Transparency International*, www.transparency.org/about.us.

(1) Công bố rộng rãi cho công chúng về hệ thống luật pháp, các quy định, thể chế và những chính sách có liên quan.

(2) Thông báo cho các bên có liên quan luật lệ, quy định và những thay đổi của chúng.

(3) Và đảm bảo rằng các luật lệ và quy định này được thực thi một cách đồng bộ, công bằng và hợp lý”.

Tính minh bạch ở đây không chỉ đề cập tới khối lượng thông tin mà còn cả phạm vi, tính chính xác và kịp thời của thông tin.

Minh bạch còn được định nghĩa là “gia tăng việc tiếp cận luồng thông tin kinh tế, xã hội, chính trị kịp thời và đáng tin cậy cho tất cả các bên liên quan”².

Nếu tiếp cận khái niệm minh bạch từ phía đối tượng nhận tin thì tính minh bạch thể hiện ở tính đại chúng, dễ hiểu và phổ biến của thông tin, đảm bảo cho mọi đối tượng nhận tin có thể dễ dàng xử lý thông tin mà họ nhận được.

Như vậy, có rất nhiều quan điểm khác nhau về tính minh bạch trong môi trường kinh doanh nói chung và đầu tư nói riêng, nhưng vấn đề công khai, minh bạch hóa thông tin là một trong những yếu tố bắt buộc. Thuật ngữ “*minh bạch*” thể hiện sự sẵn có và sự đảm bảo về chất lượng của thông tin. Minh bạch gắn liền với việc công bố thông tin một cách công khai, rộng rãi, chính xác, kịp thời cho các đối tượng liên quan trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động của một chủ thể. Chủ thể này có thể là một nền kinh tế, một tổ chức, một doanh nghiệp hoặc một cá nhân. Minh bạch hóa là phản ánh đến việc tiếp cận các nguồn thông tin kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của công chúng tại một quốc gia. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, đặc biệt đối với mọi hoạt động kinh tế. Minh bạch hóa hoạt động kinh tế là một trong những điều kiện để một quốc gia có thể tham gia vào nền kinh tế toàn cầu. Chỉ khi minh bạch hóa hoạt động kinh tế mới có thể giúp một quốc gia tiếp

cận với những thông tin kinh tế của các quốc gia khác, từ đó thúc đẩy các hoạt động thương mại, đầu tư, tài chính... giữa các nền kinh tế trên thế giới.

2. Nội dung của minh bạch hóa:

Tính minh bạch hóa được thể hiện ở những nội dung sau đây:

2.1. Minh bạch hóa hệ thống luật pháp

Hệ thống luật pháp minh bạch sẽ tạo lòng tin, giảm chi phí giao dịch, phòng ngừa và giải quyết hợp lý các tranh chấp, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Thực tế cho thấy, các quy định luật pháp không rõ ràng sẽ là mảnh đất tốt để cho các bộ phận của bộ máy hành chính vận dụng theo cách hiểu của họ, khiến cho việc thực thi luật pháp thiếu đồng bộ, gây khó khăn cho mọi đối tượng của nền kinh tế. Không những vậy, công khai, minh bạch hệ thống luật pháp còn giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài, các tổ chức, cá nhân... hoạt động trong nền kinh tế yên tâm thực hiện kinh doanh.

Hơn nữa, tính minh bạch của hệ thống luật pháp còn được thể hiện trong quy trình xây dựng luật pháp ở các quốc gia phải đảm bảo yêu cầu công khai. Trong đó, người dân có thể tham gia đóng góp ý kiến ở một phạm vi nhất định vào các dự thảo luật, pháp lệnh,... Việc tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của mọi đối tượng trong nền kinh tế có ý nghĩa tích cực, nhằm phát huy tác dụng của những quy định đó. Đây là cơ hội để họ có thể phản ánh ý kiến, bàn luận về các chính sách của nhà nước, đồng thời hiểu đúng nội dung của các quy định nhằm thực hiện đúng. Một vấn đề đáng lưu ý là mọi sự thay đổi về hệ thống luật pháp phải được công bố công khai, rộng rãi và có sự chuẩn bị trước một thời gian nhất

2. Hoàng Thị Thu Hà, 2007, *Minh bạch hóa hoạt động kinh tế: hướng tiếp cận và các tiêu chí đánh giá*, Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 124- tháng 10/2007, 53-56.

định. Có như vậy thì những người quan tâm mới có cơ hội để tiếp cận được các thông tin dễ dàng. Đồng thời, minh bạch về hệ thống luật pháp sẽ nhanh chóng phát hiện được những khe hở mà từ đó là nguyên nhân của nạn tham nhũng - một trong những vấn nạn làm giảm tính minh bạch của một quốc gia.

2.2. Minh bạch hóa các chính sách kinh tế

Minh bạch hóa các chính sách kinh tế là điều kiện hàng đầu để các quốc gia có thể khuyến khích các hoạt động kinh tế trong nước và thu hút các hoạt động đầu tư nước ngoài. Nó bao gồm cả việc công bố công khai các chính sách về thương mại, tài chính, tiền tệ, các chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư của nền kinh tế, đặc biệt là các chính sách ưu đãi hay hạn chế đối với các đối tượng hoạt động trong nền kinh tế. Minh bạch hóa chính sách kinh tế dễ dàng giúp cho các đối tượng của nền kinh tế như các doanh nghiệp, các tổ chức... tìm được hướng đi phù hợp với mình; đồng thời nhạy bén, linh hoạt với mỗi sự thay đổi của chính sách trong từng thời kỳ.

2.3. Minh bạch hóa các thủ tục hành chính

Minh bạch hóa các thủ tục hành chính bao gồm việc công khai các quy định về mọi thủ tục tham gia hoạt động kinh tế cho các đối tượng có liên quan, để từ đó có thể giám sát hoạt động của các bộ phận hành chính có chấp hành đúng những quy định đã công bố hay không? *Thứ nhất*, minh bạch hóa các thủ tục hành chính thể hiện ở quy trình ban hành phải do một cơ quan thống nhất thực hiện nhằm tránh tình trạng các thủ tục hành chính mặc dù được công bố rộng rãi nhưng mỗi nơi mỗi khác, chồng chéo, mâu thuẫn nhau, khiến cho các đối tượng tiếp nhận thông tin khó xử lý. *Thứ hai*, thủ tục hành chính minh bạch thì không chỉ xuất phát từ nhu cầu quản lý của cơ quan hành chính mà còn phải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các

tổ chức, các nhà đầu tư cũng như các cá nhân có liên quan. Có như vậy mới tạo được tính liên kết, sự hợp tác và nhằm thực hiện tốt các quy định đó. *Thứ ba*, phải có các biện pháp đảm bảo cho các đối tượng tham gia trong nền kinh tế có đủ điều kiện khiếu nại hoặc khởi kiện đối với các cơ quan công quyền khi quyền lợi hợp pháp của họ bị xâm phạm. Trong nhiều trường hợp, những thiệt hại mà chủ đầu tư phải gánh chịu lại không phải do bản thân họ gây ra mà trên thực tế, nguyên nhân là do chính sự thiếu tính minh bạch trong thủ tục đầu tư. Đồng thời, họ cũng không được hoàn trả những khoản nhằm bù đắp những thiệt hại gây nên không phải do ý chủ quan của họ. Bởi vậy, điều đó có nghĩa là càng nhiều thông tin chính xác và cụ thể thì các đối tượng đó càng có cơ hội giành thắng lợi trong các phán quyết của toà án nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ. Đặc biệt, ở các nước nghèo, chính phủ không có khả năng kiểm soát cũng như điều tra tất cả các vụ vi phạm, thì tính minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính càng có ý nghĩa đối với các doanh nghiệp.

2.4. Minh bạch hóa các chỉ số kinh tế

Các chỉ số kinh tế của mỗi quốc gia cần được công khai hàng năm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng quan tâm có thể dễ dàng tiếp cận. Trên cơ sở các thông tin đó, các nhà đầu tư, các tổ chức có thể đưa ra các quyết định đầu tư kinh doanh của mình. Như vậy, minh bạch hóa các chỉ số kinh tế sẽ giúp cho việc thúc đẩy hay thu hút mọi hoạt động đầu tư, kinh doanh trong và ngoài nước của một quốc gia. Hiện nay, hàng năm, Tổ chức Minh bạch quốc tế (TI) luôn có những đánh giá và đưa ra bảng xếp hạng của mình về tính minh bạch tại các quốc gia trên thế giới.

3. Tiêu chí đánh giá

Minh bạch hóa hoạt động kinh tế là một khái niệm tương đối trừu tượng. Để đánh

giá một nền kinh tế có minh bạch hay không minh bạch và mức độ minh bạch đến đâu là một công việc khó khăn, chủ yếu chỉ có thể định tính mà khó có thể định lượng được. Tuy nhiên, chúng ta có thể sử dụng một số tiêu chí cơ bản sau đây để đánh giá mức độ minh bạch trong hoạt động kinh tế của một quốc gia như sau:

3.1. Chỉ số nhận thức về tham nhũng (Corruption Perceptions Index - CPI)

Chỉ số này lần đầu tiên được đưa ra vào năm 1995 và được coi là một công cụ hữu hiệu của Tổ chức Minh bạch quốc tế để đánh giá mức độ minh bạch của một quốc gia. Hàng năm, Tổ chức này công bố thứ tự các quốc gia trên thế giới theo “mức độ tham nhũng mà được nhận thức tồn tại trong các giới công chức và chính trị gia”. Chỉ số này dựa trên cơ sở kết quả của 16 phiếu điều tra và đánh giá của các chuyên gia được lựa chọn từ 10 viện, tổ chức nghiên cứu độc lập, có uy tín trên thế giới như Colombia University, Economist Intelligence Unit (EIU), Freedom House, International Institute for Management Development, Information International, World Economic Forum, World Markets Research Center.... Năm 2007, tổ chức này sử dụng 14 điều tra và đánh giá của các chuyên gia để xếp loại các quốc gia. Để có trong danh sách này thì các quốc gia tối thiểu phải có 3 đánh giá điều tra theo quy định của TI. Theo quan điểm của TI, tham nhũng là “*lạm dụng chức vụ công để hưởng lợi tư*”³.

Tính liêm chính có thể được thể hiện như thế nào khi các hành vi tham nhũng đang bị lan rộng? Điều kiện quyết định và có tính ưu tiên cho mục tiêu này chính là ý chí chính trị. Đấu tranh chống tham nhũng là nhiệm vụ khó khăn đối với nhiều quốc gia, nhưng đó là việc cần làm. Người Trung Quốc có câu tục ngữ nổi tiếng hàm ý “*thà đau một lần còn hơn là đau dai dẳng*”. Tuy nhiên, bao nhiêu người sẵn

sàng chịu “*đau một lần*”, nhất là khi họ không thấy có bất kỳ một lợi ích nào đối với mình từ hành động đó? Loại trừ tham nhũng với ý nghĩa là chấp nhận rủi ro với chính sự sống còn của họ, một số chính phủ có thể tập hợp ý chí chính trị cần thiết để giải quyết vấn đề này.

Thực tế, tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, tính minh bạch trong hoạt động kinh tế - xã hội và cụ thể trong môi trường FDI luôn là đề tài hết sức nhạy cảm. Bởi vì, nó liên quan đến yếu tố con người, tuy nhiên, trên thực tế, tất cả các quốc gia đều phải đối mặt với vấn đề này. Tham nhũng là một hệ quả tất yếu của nền kinh tế kém phát triển, quản lý kinh tế - xã hội lỏng lẻo, yếu kém tạo ra nhiều sơ hở cho các hành vi tiêu cực. Tham nhũng làm chậm sự phát triển kinh tế - xã hội, làm giảm lòng tin của người dân vào chính phủ cầm quyền, đến chừng mực nào đó nó sẽ gây mất ổn định chính trị, kinh tế - xã hội. Nếu như năm 2003, cuộc thăm dò của TI chỉ tiến hành ở 133 quốc gia, năm 2005, con số này tăng lên 159 thì đến năm 2006 là 163 và năm 2007 bao gồm 180 quốc gia. Mặc dù hiện nay, có trên 200 quốc gia, nhưng số lượng các quốc gia được TI công bố thông tin về CPI tính đến năm 2007 mới đạt con số là 180. Cũng theo thống kê của tổ chức này, thì năm 2007, Myanma và Somali là hai quốc gia mà nạn tham nhũng diễn ra phổ biến nhất trên thế giới⁴.

Chỉ số này có giá trị dao động từ 0 đến 10, trong đó mức điểm tối đa là 10. Nước nào đạt điểm số cao có nghĩa là nền kinh tế đạt tính minh bạch và ít tham nhũng hơn. Nói cách khác, CPI càng cao thì phản ánh mức độ minh bạch của nền kinh tế ở các quốc gia đó càng cao. Dưới đây là ví dụ cụ thể về CPI của một số quốc gia Châu Á.

3. http://www.transparency.org/policy_research/surveys_indices/cpi/2007

4. Transparency International, www.transparency.org/about.us.

BẢNG 1: Chỉ số về mức độ tham nhũng (CPI) của một số quốc gia Châu Á giai đoạn 2000-2007

Quốc gia	2000[90]	2001 [91]	2002 [102]	2003 [133]	2004 [146]	2005 [159]	2006 [163]	2007 [180]
Xingapo	9,1 (6)	9,2 (4)	9,3 (5)	9,4 (5)	9,3 (5)	9,4 (5)	9,5 (5)	9,3 (4)
Nhật Bản	6,4 (23)	7,1 (21)	7,1 (20)	7,0 (21)	6,9 (24)	7,3 (22)	7,6 (17)	7,5 (17)
Malaixia	4,8 (36)	5,0 (36)	4,9 (33)	5,2 (37)	5,0 (39)	5,1 (39)	5,0 (44)	5,1 (43)
Hàn Quốc	4,0 (48)	4,2 (42)	4,5 (40)	4,3 (50)	4,5 (47)	5,0 (42)	5,1 (42)	5,1 (43)
Thái Lan	3,2 (60)	3,2 (61)	3,2 (64)	3,3 (70)	3,6 (64)	3,8 (60)	3,6 (63)	3,3 (84)
Trung Quốc	3,1 (63)	3,5 (57)	3,5 (59)	3,4 (66)	3,4 (71)	3,2 (78)	3,3 (70)	3,5 (72)
Philippin	2,8 (69)	2,9 (65)	2,6 (77)	2,5 (92)	2,6 (102)	2,5 (124)	2,5 (121)	2,5 (131)
Việt Nam	2,5 (76)	2,6 (75)	2,4 (85)	2,4 (100)	2,6 (102)	2,6 (114)	2,6 (111)	2,6 (123)
Indônêxia	1,7 (85)	1,9 (88)	1,9 (96)	1,9 (122)	2,0 (133)	2,2 (140)	2,4 (130)	2,3 (143)

Ghi chú: Số trong [] là quốc gia trong báo cáo. Số trong () là thứ tự xếp hạng của quốc gia
 Nguồn: Transparency International, www.transparency.org. Cộng theo tháng

3.2. Mức độ tiếp cận với nguồn thông tin của các đối tượng có liên quan trong nền kinh tế

Các quốc gia trên thế giới, ngày càng nhận thức được tầm quan trọng trong việc minh bạch hóa và chính công khai thông tin là một yếu tố nhằm tăng tính minh bạch hóa, đặc biệt trong hoạt động kinh tế. Bởi vì, bưng bít thông tin (discretion) sẽ làm nảy sinh và gia tăng hiện tượng tham nhũng.

Tiêu chí này thể hiện ở:

Thứ nhất, thông tin kinh tế (hệ thống luật pháp, các chính sách, quy định...) luôn sẵn có hay không, ví dụ trên hệ thống thông tin đại chúng, tại các cơ quan công quyền...

Thứ hai, các thông tin này có được trình bày một cách dễ hiểu cho mọi đối tượng nhận tin hay không?

Thứ ba, các thông tin có được đưa ra kịp thời, đồng thời có sự chuẩn bị trước mỗi thay đổi hay không? Nói cách khác, nó thể hiện tính tiên liệu trong chính sách.

Thứ tư, để có được thông tin cần thiết, thì đối tượng tiếp cận thông tin có mất nhiều chi phí (thời gian, tiền bạc,...) hay không?

Một nền kinh tế được coi là minh bạch khi tất cả các thông tin kinh tế được sẵn có

cho các đối tượng, các thông tin kịp thời, chính xác, dễ hiểu và không mất nhiều chi phí để cho mọi đối tượng có nhu cầu tìm hiểu có thể tiếp cận dễ dàng. Do đây là chỉ tiêu mang tính chất định tính, nên để đánh giá minh bạch của nền kinh tế thông qua tiêu chí này, cần phải sử dụng các biện pháp điều tra trên cơ sở chọn mẫu những đối tượng có nhu cầu tiếp cận với thông tin. Từ đó, đánh giá xem họ có dễ dàng tiếp cận với các thông tin cần có hay không và mức độ tiếp cận của họ đến đâu?

Hàng năm, Ngân hàng Thế giới đã đưa ra nghiên cứu của mình về mức độ công khai thông tin của các quốc gia trên thế giới thông qua chỉ số công khai thông tin (*Disclosure Index -DI*). Chỉ số này có giá trị trong khoảng từ 0 đến 10, giá trị càng lớn thì phản ánh mức độ công khai thông tin của quốc gia đó càng cao. Bên cạnh đó, WB cũng đưa ra đánh giá về mức độ bảo hộ đối với các nhà đầu tư (*Investor Protection Index*). IPI được đưa ra dựa trên sự kết hợp của 3 chỉ số: chỉ số đánh giá trách nhiệm pháp lý của lãnh đạo, quyền hạn của cổ đông và chỉ số mức độ công khai thông tin. Nói cách khác, công khai thông tin cũng phản ánh một khía cạnh nhất định về mức độ bảo hộ của quốc gia tiếp nhận vốn với các

nhà đầu tư. Hiện nay, nhiều quốc gia đang phát triển đã đạt được kết quả tốt trong mức độ bảo hộ các nhà đầu tư. Chính điều này đòi hỏi các quốc gia ngày càng tạo nên sự công khai hơn trong việc tiếp cận thông tin, trao nhiều quyền hạn hơn cho các nhà lãnh đạo và tạo thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư

khi phải đối mặt với những trường hợp khó khăn như các cơ quan công quyền không thực sự quan tâm, cẩn thận hoặc không có sự công bằng trong các phán quyết tại tòa án. Bởi vì, càng có nhiều thông tin thì các nhà đầu tư càng có cơ hội giành thắng lợi trong các phán quyết của tòa án.

BẢNG 2: Các quốc gia có chỉ số mức độ công khai thông tin (DI) cao trên thế giới

Quốc gia	Xingapo	Trung Quốc	Thái Lan	Bungari	Malaixia	Niu Dilân	Ailen	Anh
Mức độ công khai thông tin (DI)	10	10	10	10	10	10	10	10

Nguồn: Doing Business database.

3.3. Mức độ tham gia của các đối tượng trong nền kinh tế trong việc xây dựng hệ thống luật pháp, các chính sách kinh tế, các quy định, thủ tục hành chính

Tiêu chí này đánh giá tính minh bạch thông qua mức độ tham gia đóng góp ý kiến của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng hệ thống luật pháp, các chính sách kinh tế, các quy định, thủ tục hành chính. Một nền kinh tế được coi là minh bạch khi việc xây dựng hệ thống pháp luật, các quy định không chỉ là công việc của các nhà lập pháp mà còn là quyền lợi của mọi đối tượng trong nền kinh tế. Các văn bản pháp quy phải được đưa ra tham khảo rộng rãi ý kiến của tất cả công chúng trước khi đưa vào thực hiện nhằm đảm bảo các văn bản đó thực sự có ý nghĩa thực tiễn và tất cả công chúng đều nắm được nội dung của những văn bản này. Bên cạnh đó, giảm tối đa sự hạn chế xung đột lợi ích giữa các bên trong nền kinh tế. Có như vậy thì việc thực hiện các văn bản quy định pháp luật sẽ đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao hơn.

3.4 Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

Một nền kinh tế có năng lực cạnh tranh cao cũng đồng nghĩa với nền kinh tế đó rất minh bạch, công khai dễ dàng hấp dẫn các

nhà đầu tư trong và ngoài nước. Khi tính toán năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, các chuyên gia kinh tế đã đưa vào đó các yếu tố như chi phí gia nhập thị trường, đất đai và mặt bằng, kinh doanh, chi phí không chính thức, chi phí thời gian, thực hiện các chính sách của trung ương, ưu đãi doanh nghiệp nhà nước, tính năng động, tiên phong và chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân,... tính minh bạch và trách nhiệm. Do vậy, giữa năng lực cạnh tranh và tính minh bạch của nền kinh tế có mối quan hệ qua lại với nhau, có thể dùng tiêu chí năng lực cạnh để đánh giá mức độ minh bạch của nền kinh tế.

4. Tác động của minh bạch hóa hoạt động kinh tế đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Minh bạch hóa hoạt động kinh tế có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài. Đây là một yếu tố thuộc về “cơ sở hạ tầng mềm” có ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư.

Thứ nhất, minh bạch hóa sẽ giúp các nhà đầu tư tránh được các chi phí tăng thêm trong hoạt động kinh doanh. Trong một nền kinh tế không minh bạch, để có được thêm nhiều thông tin, các doanh nghiệp phải bỏ thêm chi phí cho đối tượng cung cấp thông tin như các cơ quan quản lý hoặc cơ quan

thực thi chính sách của nhà nước. Các chi phí tăng thêm này phát sinh là do vấn đề tham nhũng, không minh bạch trong các hoạt động kinh tế diễn ra tại một quốc gia. Nói cách khác, chính minh bạch hóa sẽ giảm bớt các phụ phí (*hassle cost*) cho nhà đầu tư. Đây chính là một yếu tố tạo điều kiện thuận lợi và tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Thứ hai, minh bạch hóa sẽ giảm bớt những rủi ro từ môi trường đầu tư. Một quốc gia có hệ thống chính sách thu hút đầu tư minh bạch bao giờ cũng có những điều khoản rõ ràng, công khai đảm bảo về quyền sở hữu tài sản cũng như những quyền lợi khác của nhà đầu tư. Như vậy, minh bạch hóa sẽ làm gia tăng tính an toàn về vốn và tài sản cho chủ đầu tư. Minh bạch hóa cũng gắn liền với yêu cầu về chính sách và hệ thống luật pháp phải rõ ràng, thống nhất và dễ dự đoán. Như vậy, minh bạch hóa cũng sẽ góp phần làm giảm thiểu yếu tố rủi ro trong chính sách.

Thứ ba, minh bạch hóa hoạt động kinh tế sẽ góp phần tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và thực chất giữa các doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thông thường, một môi trường đầu tư bình đẳng, công bằng với cơ chế thương mại và cơ chế đầu tư thông thoáng sẽ tạo sức thu hút đối với nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, sự minh bạch hóa và các kết quả của chính sách kinh tế và hoạt động kinh tế được các tổ chức quốc tế giám sát và nó có tác động quan trọng đến các nhà đầu tư nước ngoài, tạo nên một tâm lý tin tưởng của các nhà đầu tư khi đưa ra quyết định đầu tư. Một quốc gia có hệ thống kinh tế minh bạch sẽ có những đánh giá tốt của các tổ chức trên, từ đó tạo được lòng tin đối với các nhà đầu tư nước ngoài và do đó dòng vốn FDI vào các quốc gia đó sẽ gia tăng⁵.

5. Thực trạng tính minh bạch trong môi trường đầu tư tại Việt Nam

Tại Việt Nam, bên cạnh những cam kết quan trọng về minh bạch hóa các thông tin

kinh tế trong Hiệp định giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về quan hệ thương mại (BTA), Việt Nam cũng đã và đang tham gia tích cực vào việc thực hiện các cam kết về minh bạch trong khuôn khổ ASEAN, APEC, ASEM. Tương tự như nghĩa vụ thỏa thuận trong BTA, các cam kết của Việt Nam về vấn đề này cũng tập trung chủ yếu vào việc đảm bảo cơ hội của các nhà đầu tư đối với các văn bản pháp luật, chính sách kinh tế của Nhà nước... để đảm bảo tất cả các đối tượng kinh tế trong và ngoài nước đều dễ dàng tiếp cận với các nguồn thông tin này.

Trong thời gian qua, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam đã được xây dựng và hoàn thiện với sự đóng góp tích cực của mọi thành phần kinh tế trong nước, các nhà đầu tư nước ngoài, hiệp hội doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các tổ chức quốc tế,... Điều này chứng tỏ tính minh bạch đã trở thành vấn đề được quan tâm khi xây dựng hệ thống luật pháp, các chính sách kinh tế, các quy định, thủ tục hành chính ở Việt Nam. Trên thực tế, cộng đồng các cá nhân, doanh nghiệp cũng như các tổ chức quốc tế đã được phép tiếp cận và tham gia ý kiến ngay trong quá trình soạn thảo nhiều văn bản pháp luật quan trọng như Luật Đầu tư 2005, Luật Doanh nghiệp, Luật Phòng, chống tham nhũng được ban hành ngày 29-11-2005 và có hiệu lực từ ngày 1-6-2006. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định thành lập Cục Chống tham nhũng trực thuộc Thanh tra Chính phủ. Điều này cũng cho thấy những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp nói chung và tăng cường tính minh bạch, công khai trong quá trình soạn thảo các văn bản pháp luật nói riêng.

Triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng, chống tham nhũng với các hình thức phong phú, thiết thực như: tổ chức giao lưu trực tuyến; mở chuyên mục tuyên truyền, giải đáp Luật Phòng, chống tham

5. Drabek,Z, and Payne,W.(2001), *The impact of Transparency on FDI*, Economic Consulting Service, Inc.

những trên báo, đài; đưa những nội dung quy định về phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy trong các trung tâm bồi dưỡng chính trị... Bộ Tư pháp biên soạn đề cương giới thiệu Luật và xuất bản Đặc san tuyên truyền "Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2006". Thanh tra Chính phủ xây dựng Đề án tuyên truyền, giáo dục Luật Phòng, chống tham nhũng trong bậc phổ thông trung học, đại học...

Bên cạnh đó, hệ thống e-regulation tại Việt Nam được chính thức đưa vào hoạt động tháng 12-2007, với hai ngôn ngữ là tiếng Việt và tiếng Anh. Hiện nay, hệ thống này tập trung vào các thủ tục đầu tư tại Hà Nội và các khu công nghiệp của Hà Nội. Thủ tục này sẽ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp đang hoạt động và chuẩn bị đầu tư trong việc thuê đất và việc ký kết các hợp đồng hợp tác sẽ được thực hiện miễn phí trực tuyến. Với từng hoạt động cụ thể như thuê đất, thành lập doanh nghiệp thì hệ thống sẽ hướng dẫn đầy đủ trình tự các bước mà nhà đầu tư phải thực hiện. Hệ thống cũng sẽ chỉ dẫn cụ thể những cán bộ/bộ phận công chức có nhiệm vụ trợ giúp họ với đầy đủ thông tin, các mẫu hồ sơ cần phải hoàn thành, các giấy tờ hợp lệ khác, chi phí, thời gian và cách thức đề nghị và được giúp đỡ trong trường hợp không được chấp nhận⁶.

Như vậy, minh bạch và đơn giản hóa trong kinh doanh là mục tiêu ưu tiên và được sự hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam trong thời gian tới. Hệ thống e-regulation của Việt Nam được coi là bước thực tiễn nhằm hướng tới tính minh bạch và đơn giản hóa. Việt Nam là quốc gia đầu tiên tại ASEAN áp dụng hệ thống này. Nó sẽ thực sự trở thành công cụ có ý nghĩa đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nó cũng có khả năng là cơ sở nhằm đơn giản hóa thủ tục. Trên cơ sở thực hiện tại Hà Nội, hệ thống này sẽ mở rộng các thủ tục đầu tư tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Việt Nam, Luật Doanh nghiệp đã có hiệu lực, nó hướng dẫn các nhà đầu tư trong các hoạt động quan trọng của doanh nghiệp. Luật cũng tăng mức độ công khai các hoạt động của các cơ quan Đảng. Do đó, các nhà lãnh đạo cũng được giao những nhiệm vụ quan trọng, đáng tin cậy, tuy nhiên, khả năng đề ra cách thức tuân theo những quy định đó còn gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, không có tòa án thương mại nào ở Việt Nam có quyền xét xử các vụ kiện của nhà đầu tư đối với các nhà quản lý. Đây là đánh giá về mức độ bảo hộ nhà đầu tư tại Việt Nam do WB đưa ra năm 2007. Nếu chúng ta giải quyết được hạn chế này thì cũng thể hiện sự nâng cao trách nhiệm pháp lý của lãnh đạo (*Director Liability Index*).

Công khai thông tin là một trong những yêu cầu không thể thiếu, giúp cho quá trình đầu tư của doanh nghiệp diễn ra thuận lợi. Mức độ minh bạch của môi trường đầu tư còn được đo bởi mức độ công khai thông tin. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (World Bank), trong năm 2007, chỉ số về mức độ công khai thông tin (*DI*) của Việt Nam là 6 và đã dần được cải thiện. Việt Nam cũng nằm trong danh sách 6/178 quốc gia có sự cải thiện hơn về mức độ công khai thông tin và có sự tiến bộ nhất. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, chỉ số này của Việt Nam luôn đứng ở vị trí gần cuối của khu vực Đông Á, chỉ đứng trên Philippin. Đây là điểm bất lợi trong môi trường đầu tư của Việt Nam bởi vì, điều này phản ánh việc cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư sẽ bị hạn chế do thông tin nhỏ giọt, thiếu tính cởi mở và ổn định. Đây chính là điểm hạn chế mà trong thời gian tới chúng ta cần dần khắc phục⁷.

6. Tất cả các mẫu và tài liệu các chủ đầu tư được cung cấp đầy đủ trong website <http://vietnam.investway.info>

7. EconomyRankings, 2007 from www.doingbusiness.org/documents/fullreport/2008/DBO8-Protecting_investors.pdf

BẢNG 3: Chỉ số về mức độ công khai thông tin của các quốc gia Châu Á năm 2007

Quốc gia	Xingapo	Trung Quốc	Thái Lan	Malaisia	Indônêxia	Nhật Bản	Hàn Quốc	Việt Nam	Philippin
Mức độ công khai thông tin (DI)	10	10	10	10	9	7	7	6	1

Nguồn: www.doingbusiness.org

(Số lượng các nền kinh tế được xếp hạng năm 2007:178)

6. Các giải pháp tăng cường tính minh bạch nhằm thu hút có hiệu quả FDI vào Việt Nam trong thời gian tới

Một là, tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng và phổ biến thông tin về chính sách, luật pháp kinh tế. Cần thay đổi phương thức xây dựng và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về kinh tế. Khi xây dựng hệ thống chính sách cần có sự tham gia ngày càng thỏa đáng hơn của các doanh nghiệp và rộng hơn là của công chúng. Mặc dù, đã từng bước được cải thiện nhưng trong công tác quy hoạch cần phá vỡ tính khép kín do được xây dựng chủ yếu bởi các cán bộ nhà nước thuộc các bộ, ngành, đồng thời tránh việc lập quy hoạch và xây dựng chính sách trong bối cảnh đặt lợi ích của ngành, địa phương mình lên hàng đầu mà không có đánh giá tổng thể.

Công khai tất cả các thông tin về chính sách thu hút đầu tư, quy hoạch, định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế của tỉnh, các thống kê về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, các thủ tục hành chính... là yêu cầu quan trọng. Để mọi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài có thể tiếp cận, những thông tin này cần được niêm yết công khai, thuận tiện cho người cần sử dụng như đưa lên Internet qua trang web của tỉnh, cung cấp các thông tin có liên quan bằng CD-rom, đĩa mềm, phát hành các bản tin định kỳ miễn phí, thành lập các bộ phận hỗ trợ cung cấp thông tin tại các cơ quan xúc tiến đầu tư và liên quan đến hoạt động đầu tư.

Hai là, đẩy mạnh minh bạch hóa thủ tục hành chính. Đẩy mạnh hơn nữa chính sách một cửa, công khai quy trình và thủ tục có liên quan đến toàn bộ quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Việc thực hiện cơ chế "một cửa" theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm giảm tầng nấc, thời gian trong giải quyết công việc của doanh nghiệp cần được các địa phương duy trì và thực hiện nghiêm túc, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với các đối tượng trong nền kinh tế. Thủ tục hành chính liên quan trong quá trình đầu tư cần được công bố cụ thể, công khai và thực hiện một cách nhất quán. Hướng tới phát triển có hiệu quả hệ thống Chính phủ điện tử nhằm giảm chi phí và tăng tính minh bạch trong hoạt động kinh tế - xã hội. Mạng thông tin điện tử nội bộ và mạng thông tin điện tử Chính phủ phải phát huy hơn nữa vai trò của mình trong công tác quản lý nhà nước, nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của các nhà đầu tư.

Ba là, minh bạch hóa các thông tin kinh tế. Công khai thông tin là một trong những yêu cầu không thể thiếu, giúp cho quá trình đầu tư của doanh nghiệp diễn ra thuận lợi. Trong thời gian vừa qua, chỉ số công khai thông tin của Việt Nam luôn đứng ở vị trí gần cuối của khu vực Đông Á, chỉ đứng trên Philippin. Đây chính là điểm hạn chế mà trong thời gian tới chúng ta cần dần khắc phục.

Tổng cục Thống kê có trách nhiệm công bố công khai, minh bạch các thông tin về tình hình kinh tế vĩ mô. Hoàn thiện phương pháp và nâng cao năng lực thống kê và xử lý

số liệu từ Trung ương đến địa phương để đảm bảo số liệu công bố là chính xác, kịp thời và đầy đủ. Các chỉ tiêu công bố nên theo tiêu chuẩn quốc tế.

Bốn là, nâng cao năng lực bộ máy quản lý hành chính. Để cơ quan quản lý nhà nước hoạt động có hiệu quả thì cần thay đổi tư duy “ban phát” sang tư duy “phục vụ”. Cần có chế độ lương bổng và đãi ngộ thích đáng cho đội ngũ cán bộ công chức để hạn chế những tiêu cực phát sinh. Tuy nhiên, cũng cần ban hành cơ chế thưởng phạt thích đáng đối với cán bộ công chức thực thi công việc. Công khai danh tính của công chức và chấp nhận cơ chế đánh giá cán bộ công chức hàng năm đối với đội ngũ trực tiếp giải quyết các vấn đề liên quan đến nhà đầu tư. Nếu như sự nhận thức và quyết tâm cải cách vẫn chưa được quán triệt trong cả đội ngũ cán bộ, công chức thì vẫn sẽ tồn tại những yếu kém trong quá trình thực hiện. Biểu hiện cụ thể là thái độ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức đang cản trở hoạt động của doanh nghiệp. Đây là những thách thức mà Chính phủ, các cấp, các ngành cần nỗ lực vượt qua trong thời gian tới.

Năm là, một biện pháp hữu hiệu nhất là giáo dục thế hệ trẻ để khi lớn lên sẽ ghét bỏ tham nhũng và có được những tri thức cần thiết để xây dựng một xã hội trong sạch, tin cậy, không có tham nhũng và vì lợi ích của

cộng đồng. Một câu tục ngữ của người Trung Quốc nói rằng “Nếu bạn nghĩ trước một năm, thì gieo hạt, còn nếu trước 10 năm, thì trồng cây và nếu nghĩ trước 100 năm, thì hãy trồng người”. Thái độ của toàn thể xã hội cũng như sự ủng hộ công khai về lợi ích của một xã hội không có tham nhũng và những đối tượng tích cực chống tham nhũng cần được khen thưởng vì hành động dũng cảm của họ.

Tóm lại, minh bạch hóa là yếu tố quan trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động FDI của các nhà đầu tư. Nó sẽ góp phần xây dựng một môi trường đầu tư hấp dẫn, thể hiện sự tham gia tích cực của chính phủ các quốc gia. Điều quan trọng nhất ở đây chính là nhận thức đúng đắn, thái độ cũng như ý thức trách nhiệm và hành động thực tế của họ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Hùng, 2007, *Tác động của minh bạch hóa hoạt động kinh tế đến đầu tư trực tiếp nước ngoài*, Tạp chí Kinh tế và phát triển, 2007, tr.14-17.
2. World Bank (2008), *Doing Business database*.
3. OECD (2003), *Public Sector Transparency and the International Investor, Paris*.
4. UNCTAD and MPI in Hanoi, 19 December 2007 “E-Regulation”- *Inauguration Workshop*.
5. *Từ điển Bách khoa*, www.Wikipedia
6. <http://vietnam.investway.info>